

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 132/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Nam

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 617/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị A, sinh năm 1988; thường trú: Đội 5, công ty 719 xã K, huyện P, tỉnh L. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978; thường trú: Xóm 2, xã H, huyện T, tỉnh B; tạm trú: Số 87/4 khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, chị Mai Thị A và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện T đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới và

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 178, quyền số 01 ngày 04/11/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại: khu phố T, phường B, thành phố A, tỉnh D. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Anh T không quan tâm, chăm lo cho chị, không phụ giúp chị nuôi các con. Vì thương con chị Anh cố gắng chịu đựng, nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng hiện nay đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Thanh B, sinh ngày 13/6/2015 và Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/7/2017. Khi ly hôn chị Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T1 và yêu cầu anh T trực tiếp nuôi cháu B. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh T:* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 27/8/2020 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không T hành hòa giải, do vậy vụ án không T hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 14/9/2020 và 30/9/2020 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 14/9/2020 và 30/9/2020 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án T hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Chị Mai Thị A và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 178, quyển số 01 ngày 04/11/2014 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Anh T không quan tâm, chăm lo cho chị, không phụ giúp chị nuôi các con. Vì thương con chị Anh cố gắng chịu đựng, nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng hiện nay đã sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình nhưng Hội liên hiệp phụ nữ phường không biết nguyên nhân các mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh T đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đến, đồng thời chị A có đơn từ chối hòa giải. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình trạng đã trầm trọng và cả hai đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị A là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và yêu cầu anh T trực tiếp nuôi cháu B. Khi giải quyết việc ly hôn, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T1 là con gái, hiện nay đang sinh sống với chị A; cháu B là con trai, hiện nay đang sinh sống cùng anh T, quá trình tố tụng anh T không có ý kiến gì về yêu cầu của chị A về việc nuôi dưỡng các con chung. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao cháu Trâm cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, cháu B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A về việc không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu T1.

Anh T quá trình tố tụng không tham gia và không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi cháu B nên không có căn cứ xem xét.

[4] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị A phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị A về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 178, quyển số 01 ngày 04/11/2014 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh L cấp).

- Về con chung: Anh Nguyễn Thanh T giao con chung tên Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 24/7/2017 cho chị Mai Thị A trực tiếp nuôi dưỡng; chị Mai Thị A giao con chung tên Nguyễn Thanh B, sinh ngày 13/6/2015 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0040844 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- UBND X. Ea Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Nam

